TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 08/2021/KDTM-PT Ngày: 30-6-2021 V/v tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp và yêu cầu hủy giấy chứng tử	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-KDTM ngày 08/4/2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp và yêu cầu hủy giấy chứng tử.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 19/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2021/QĐ-PT ngày 11/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N, địa chỉ: Số KH, LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, địa chỉ: số HM, đường ĐVT, ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Là người đại diện uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 07/6/2021 - vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Sơn Thị C, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị T (Huỳnh Thị H), địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Ông Lê Văn Đ, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

4. Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn M - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A; Là người đại diện uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 20/11/2020 - vắng mặt).

5. Ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng) (chết),

6. Bà Nguyễn Thị H (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H:

+ Ông Trần Văn T, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Bà Trần Thị B, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị H, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị M, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Ông Trần Văn C, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Ông Trần Văn U (Trần Út B), địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Bà Trần Thị L, địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Bà Trần Thị TL, địa chỉ: Địa chỉ: Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Bà Trần Thị Đ, địa chỉ: Ấp Xoài Thum, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Văn C và bà Trần Thị TL, là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng) và bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 của Ngân hàng N (sau đây viết là Ngân hàng) và trình bày của đại diện Ngân hàng tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Trần Văn T có ký Hợp đồng tín dụng số 125T02/23/HĐTD (7613LAV201202779/HĐTD) ngày 23/5/2012 để vay của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng (sau đây viết là Chi nhánh Ngân hàng) số tiền 300.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng (hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/05/2013) với lãi suất 16,5%/năm (lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất vay).

Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 giữa Chi nhánh Ngân hàng với ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng), bà Nguyễn Thị H và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 23/5/2012 giữa Ngân hàng với bà H là diện tích đất 32.056m^2, thuộc thửa số MTB, HNM, SBB, tờ bản đồ số MH, toạ lạc tại ấp Lê Minh Châu B, xã An Thạnh II, huyện Long Phú (nay là ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung), tỉnh Sóc Trăng do theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I BMK ngày 13/5/1997 do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng).

Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc ông T, bà C có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền còn nợ đến ngày 19/02/2021 tổng cộng là 925.123.972 đồng, gồm 300.000.000 đồng gốc, 433.158.904 đồng lãi trong hạn, 191.965.068 đồng lãi quá hạn. Trường hợp ông T, bà C không thực hiện thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 23/5/2012 để thu hồi nợ.

Ngân hàng không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông Trần Văn U, bà Trần Thị B, bà Trần Thị H, bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, bà Trần Thị L, bà Trần Thị TL, bà Trần Thị Đ về việc đề nghị Tòa án hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 và hủy Giấy chứng tử số 26/2012, đăng ký ngày 30/5/2012 của ông Trần Văn Q do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng cấp.

Theo trình bày của ông Trần Văn T:

Ông T thừa nhận ý kiến trình bày của phía Ngân hàng về việc ký kết, thực hiện, số tiền gốc lãi mà ông T còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng vay vốn số 125T02/23/HĐTD (7613LAV201202779/HĐTD) ngày 23/5/2012 cũng như tài sản đảm bảo nợ vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009.

Ông T đề nghị trả dần nợ gốc cho Ngân hàng như sau: Ngày 15/6/2021 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/6/2022 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/6/2023 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/6/2024 trả 50.000.000 đồng, ngày 15/6/2025 trả

50.000.000 đồng, ngày 15/6/2026 trả 50.000.000 đồng; còn tiền lãi thì đề nghị được miễn.

Ông Trần Văn T đồng ý với yêu cầu của ông Trần Văn U (Út B) về việc đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng tử ghi tên Trần Văn Q do Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/5/2012.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 18/10/2019 và yêu cầu độc lập ngày 21/9/2020, ông Trần Văn U (Trần Út B), bà Trần Thị B, bà Trần Thị TL, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L, bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, bà Trần Thị Đ trình bày:

Ông, bà là con ông Trần Văn Q (Ng) và bà Nguyễn Thị H. Ông Q chết ngày 29/9/2007 (nhằm ngày 19/8/2007 âm lịch), còn bà H chết năm 2018; bà H không biết chữ nhưng trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11 ngày 25/11/2009 lại có chữ ký của ông Q (Ng) và bà H. Đồng thời, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I BMK ngày 13/5/1997 được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn Q (Ng), chứ không phải cấp cho cá nhân ông Q (Ng) nhưng anh chị em của ông T không hay biết việc ông Q (Ng), bà H thế chấp đất cho Ngân hàng.

Ông Út (Út B), bà B, bà TL, bà H, bà L, bà M, ông C, bà Đ yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 và hủy Giấy chứng tử ghi tên Trần Văn Q số 26/2012 do Ủy ban nhân dân xã A cấp ngày 30/5/2012.

Theo trình bày của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng: Ủy ban nhân dân xã A không thống nhất với yêu cầu của các ông (bà): Trần Thị B, Trần Thị H, Trần Thị M, Trần Văn C, Trần Thị L, Trần Thị TL, Trần Thị Đ, Trần Văn T, Trần Văn U (Trần Út B) vì cho rằng việc cấp giấy chứng tử của ông Trần Văn Q (Ng) được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Theo trình bày của bà Huỳnh Thị T: Bà T (H) không biết gì về việc vay vốn của ông T, cũng không biết việc cha mẹ chồng là ông Trần Văn Q (Ng) và bà Nguyễn Thị H thế chấp tài sản cho Ngân hàng. Hiện nay vợ chồng bà đã được cha mẹ chồng tặng cho phần đất có diện tích 4,5 công (tầm 03m). Bà T (H) không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo trình bày của ông Lê Văn Đ thì: Ông Đ không biết việc vay vốn của ông T, cũng không biết việc cha mẹ vợ là ông Trần Văn Q (Ng) và bà Nguyễn Thị H thế chấp tài sản cho Ngân hàng, vì khi ông Đ về làm rể thì ông Q (Ng) đã qua đời, chỉ còn lại bà H. Bà H đã tặng cho vợ chồng ông phần đất có diện tích 2,5 công (tầm 03m). Ông Đ không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Sơn Thị C đã được Tòa án đã cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng không có ý kiến gì đối với những tình tiết, sự kiện, tài liệu do các đương sự còn lại trình bày và giao nộp cho Tòa án.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 19/02/2021, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu ông Trần Văn T và bà Sơn Thị C phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc, lãi và lãi phát sinh cho Ngân hàng N .

- Buộc ông Trần Văn T và bà Sơn Thị C phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tổng cộng là 925.123.972 đồng (Chín trăm hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 20/02/2021 DL cho đến ngày ông T và bà Cương trả tất nợ cho Ngân hàng theo lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 24.75%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Đến khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án thì ông T, bà C phải tự nguyện trả số tiền nêu trên; Nếu ông T, bà C không tự nguyện trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng với ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng) và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất số I BMK, có diện tích 32.056m^2, thuộc thửa số MTB, HNM, SBB, tờ bản đồ số MH, đất toạ lạc tại ấp Lê Minh Châu B, xã An Thạnh II, huyện Long Phú (Nay là ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung), tỉnh Sóc Trăng do Ủy ban nhân dân huyện Long Phú (Nay là huyện Cù Lao Dung), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng), ngày 13/5/1997 theo Hợp đồng thế quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng với ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng) và bà Nguyễn Thị H và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 23/5/2012 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị H.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan [ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng) và bà Nguyễn Thị H] là ông Trần Văn U (Trần Út B), bà Trần Thị B, Trần Thị TL, bà Trần Thị H, bà Trần Thị L, bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng với ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng) và bà Nguyễn Thị H và yêu cầu Hủy

Giấy chứng tử ghi tên Trần Văn Q số 26/2012, ngày, tháng, năm đăng ký là ngày 30/5/2012 do Ủy ban nhân dân xã A cấp 30/5/2012."

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Cùng ngày 11/3/2021, ông Trần Văn C và bà Trần Thị TL kháng cáo một phần bản án trên và yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết:

+ Hủy một phần bản án sơ thẩm, hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C với ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng) và bà Nguyễn Thị H; Hủy giấy chứng tử ghi tên Trần Văn Q số 26/2012 do Ủy ban nhân dân xã A cấp ngày 30/5/2012.

+ Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp và yêu cầu Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C trả lại cho gia đình ông bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I BMK có diện tích 32.056m^2, thuộc thửa MTB, HNM, SBB, tờ bản đồ số MH, tọa lạc ấp Lê Minh Châu B, xã An Thạnh II, huyện Long Phú (nay là ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung) tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn Q ngày 13/5/1997.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vắng mặt và không có văn bản rút lại đơn khởi kiện, ông Trần Văn C và bà Trần Thị TL không rút đơn kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của ông Trần Văn C, bà Trần Thị TL phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Ông Nguyễn Văn N, bà Sơn Thị C, ông Trần Văn M, bà Trần Thị B, bà Trần Thị H, bà Trần Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; bà Trần Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngân hàng và ông Trần Văn T, bà Sơn Thị C không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với số tiền gốc, lãi mà ông T và bà C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 125T02/23/HĐTD (7613LAV201202779/HĐTD) ngày 23/5/2012 nên phần quyết định này của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong giai đoạn phúc thẩm.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng và yêu cầu độc lập của các ông (bà): Trần Thị B, Trần Thị H, Trần Thị M, Trần Văn C, Trần Thị L, Trần Thị TL, Trần Thị Đ, Trần Văn U, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự, cụ thể như sau:

[4.1] Do không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp, các con của ông Trần Văn Q (Trần Văn Ng) và bà Nguyễn Thị H gồm bà Bé, bà Hường, bà Mai, bà Lệ, ông Chiến, bà Đấu, bà Loan, ông Út (Út B) cùng có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 và ủy quyền cho ông U đại diện tham gia tố tụng. Vào ngày 10/8/2020, ông U có đơn xin xét xử vắng mặt (bút lục số 354), nhưng tại phiên tòa ngày 19/02/2021, Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định các đương sự từ bỏ yêu cầu độc lập và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là vi phạm điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Đồng thời, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2019 (bút lục số 163-169) thể hiện trên thửa đất số SBB có căn nhà chính, căn nhà phụ của ông Q, bà H và vợ chồng ông Trần Văn U, bà Huỳnh Thị T đang quản lý, sử dụng; thửa số MTB do ông U, bà T trồng mía; còn thửa số HNM có căn nhà của ông Lê Văn Đ, bà Trần Thị L và ông Đ, bà L, ông Trần Văn T, bà Sơn Thị C đang trồng mía. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông U, bà L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng các thửa đất số SBB, MTB, HNM nhưng không xử lý các tài sản trên đất như nhà, vật kiến trúc khác, cây trồng là gây khó khăn cho việc thi hành án.

[5] Từ những phân tích trên, thấy cần hủy bản án sơ thẩm đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng và nội dung đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của ông, bà Trần Thị B, Trần Thị H, Trần Thị M, Trần Văn C, Trần Thị L, Trần Thị TL, Trần Thị Đ, Trần Văn U để giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật. Do án sơ thẩm bị hủy để giải quyết lại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn C và bà Trần Thị TL. Yêu cầu của ông C, bà TL sẽ được xem xét khi vụ án được thụ lý, giải quyết lại.

[6] Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án sơ thẩm cần thu thập các tài liệu, chứng cứ để làm rõ ngày chết của ông Q và hộ gia đình Trần Văn Q sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I BMK ngày 13/5/1997 gồm các thành viên nào để có có cơ sở xác định tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 và phạm vi bảo lãnh của việc thế chấp này. Bởi lẽ, ông T và các người con còn lại của ông Q, bà H xác nhận và cung cấp hình ảnh bia mộ, lời khai người làm chứng xác định ông Q chết trước thời điểm các bên xác lập hợp đồng thế chấp. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà B, bà H, bà M, ông C, bà L, bà TL, bà Đ, ông U cho rằng là thành viên sử dụng đất của hộ Trần Văn Q; nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, ông T, bà T, ông Đ, ông C, ông U, bà L, bà TL đều thừa nhận các thửa đất số SBB, MTB, HNM chỉ do ông Q, bà H khai phá, tạo lập và các con của ông Q, bà H không có đóng góp gì vào việc hình thành các thửa đất này.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 06/11/HĐTC ngày 25/11/2009 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 23/5/2012 là biện pháp bảo đảm đối với nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 125T02/23/HĐTD (7613LAV201202779/HĐTD) ngày 23/5/2012. Theo khoản 3 Điều 410 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì việc thế chấp tài sản nếu có vô hiệu, cũng không làm vô hiệu hoặc chấm dứt nghĩa vụ trả nợ vay. Hơn nữa, như đã nhận định tại mục [3] thì phần tuyên số tiền gốc, lãi mà ông T, bà C phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng này của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 228, Điều 293, điểm a khoản 1 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận một phần.

[8] Về án phí và chi phí khác:

[8.1] Do án sơ thẩm bị hủy nên ông Trần Văn C, bà Trần Thị TL không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8.2] Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị L, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị M, ông Trần Văn U có kháng cáo và mỗi người đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng sau đó tự nguyện rút lại đơn kháng cáo; Hội đồng xét xử nhận thấy do bản án sơ thẩm bị hủy nên cần trả lại các đương sự này số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp để Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[8.3] Ông Trần Văn T và bà Sơn Thị C phải chịu 39.753.719 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8.4] Số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và chi phí đo đạc, định giá tài sản được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 19/02/2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp và yêu cầu hủy giấy chứng tử của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng N và yêu cầu độc lập của ông, bà Trần Thị B, Trần Thị H, Trần Thị M, Trần Văn C, Trần Thị L, Trần Thị TL, Trần Thị Đ, Trần Văn U.

2. Về án phí và chi phí khác:

- Ông Trần Văn T và bà Sơn Thị C phải chịu 39.753.719 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Trần Văn C, bà Trần Thị TL không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho ông Trần Văn C, bà Trần Thị TL mỗi người 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai số 0007064, 0007065 cùng ngày 10/3/2021 và số 0007074, 0007073 cùng ngày 11/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Trả lại cho bà Trần Thị L, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị M, ông Trần Văn U mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai số 0007061, số 0007062, số 0007063 và số 0007066 cùng ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, chi phí đo đạc và định giá tài sản được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Khương